



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Đầu tư Nhãn Hiệu Việt

Ngày 31/12/2025	12,900 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-4.4%	-8.2%	11.8%

DT thuần Q4/25
6.92
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.81 13.2%
YoY: ▼0.99 -12.5%

LN thuần Q4/25
6.99
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 3.40 94.7%
YoY: ▼1.22 -14.9%

LN sau thuế Q4/25
6.01
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 3.51 140%
YoY: ▲ 1.38 29.8%

Tỷ suất lãi EBIT 2025
78.5%
YoY: +/-▼ 28.5%

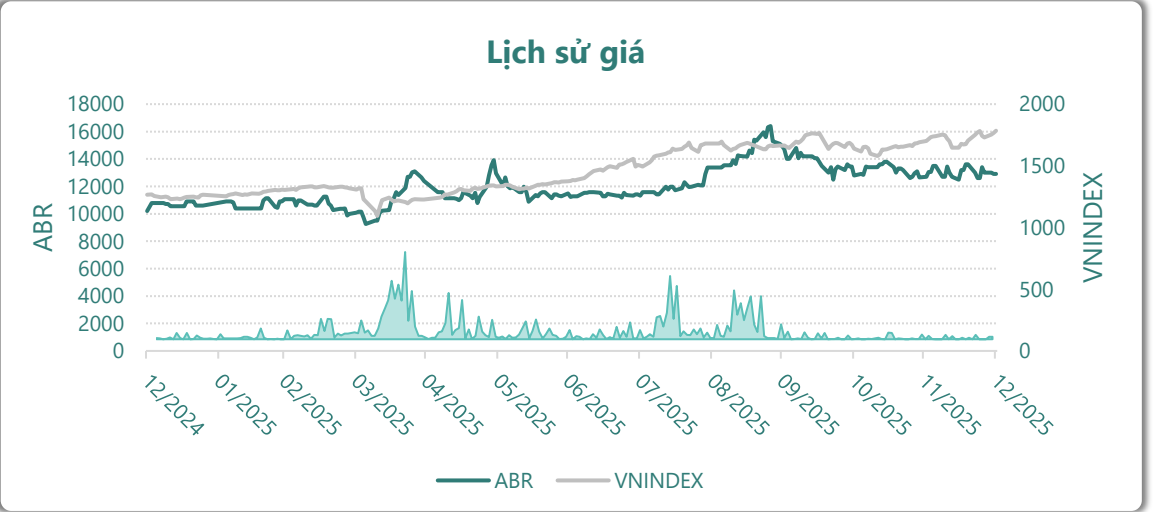
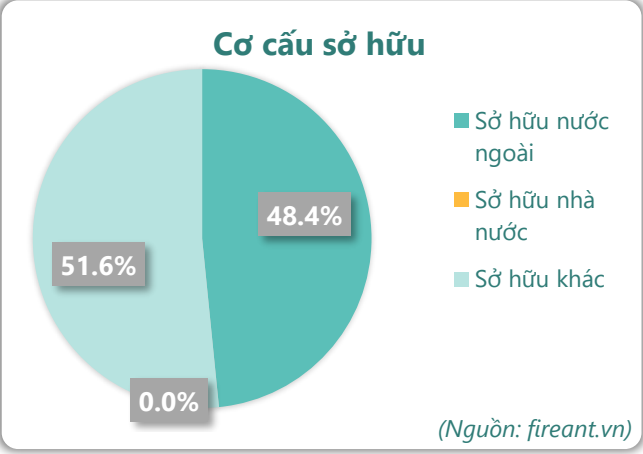
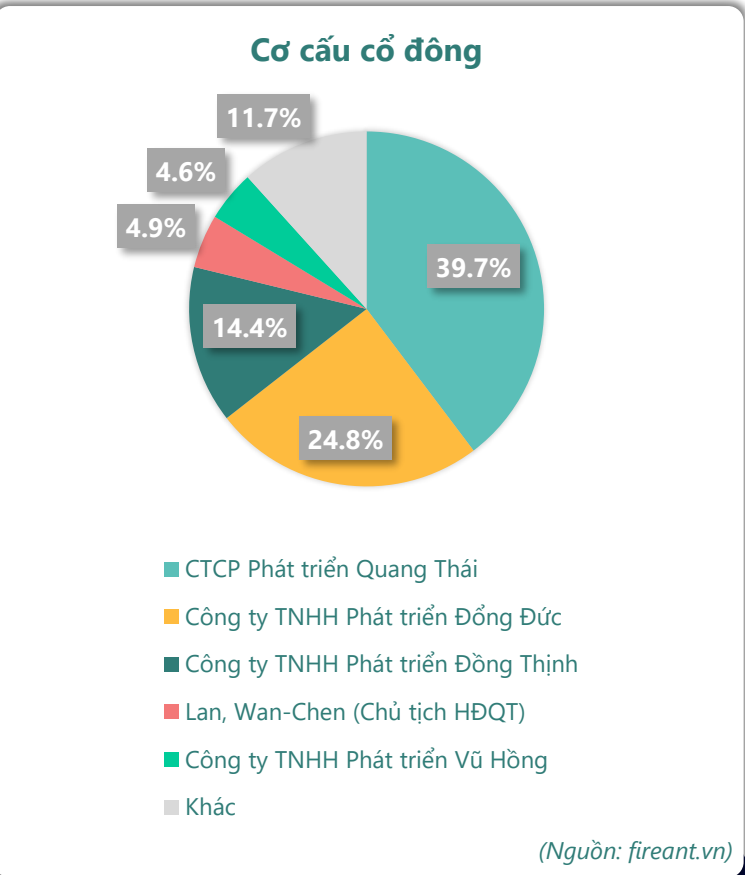
ROE 2025
5.9%
YoY: +/-▼ 0.6%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	9,258 - 16,400
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	258
Số lượng CPLH (CP)	20,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	650
Sở hữu nước ngoài	48.4%
Beta	0.22
EPS	775
P/E	16.6

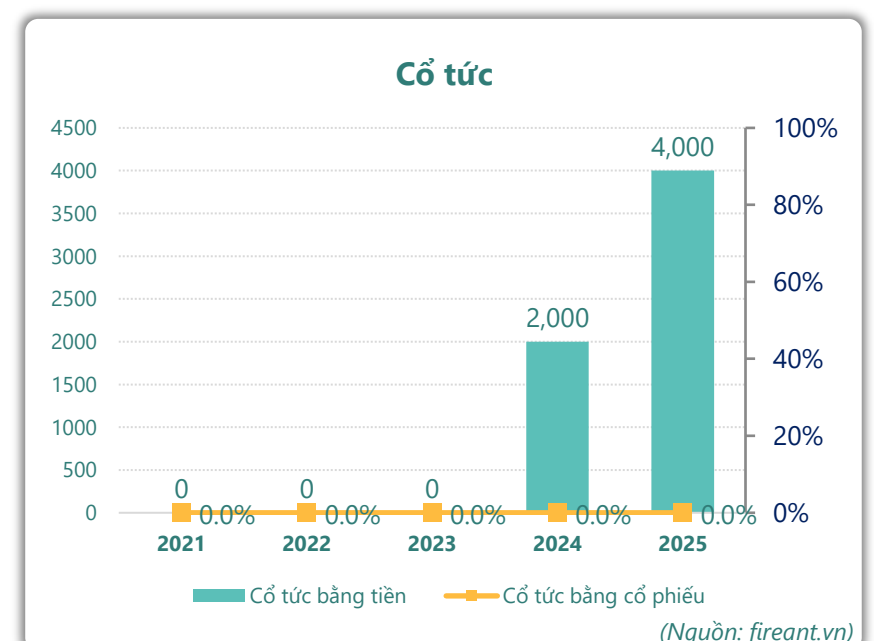
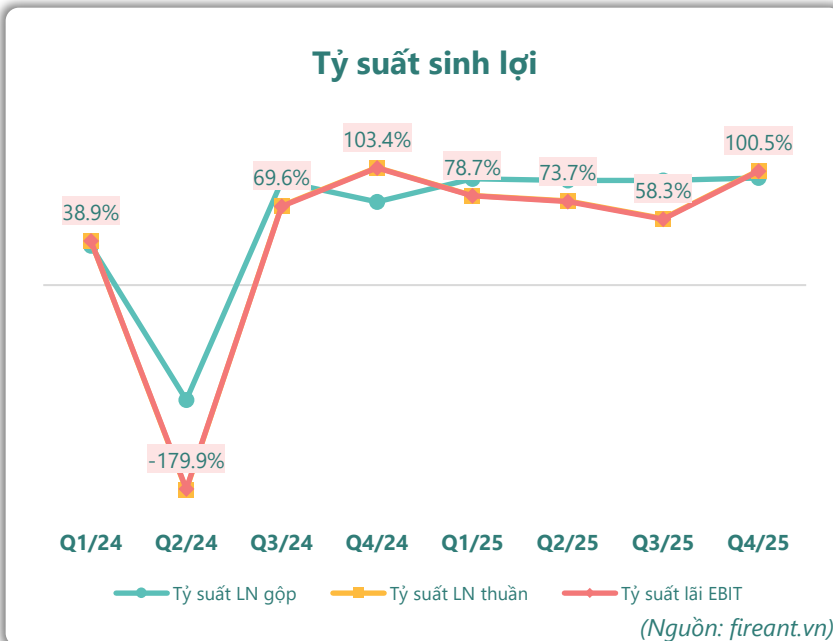
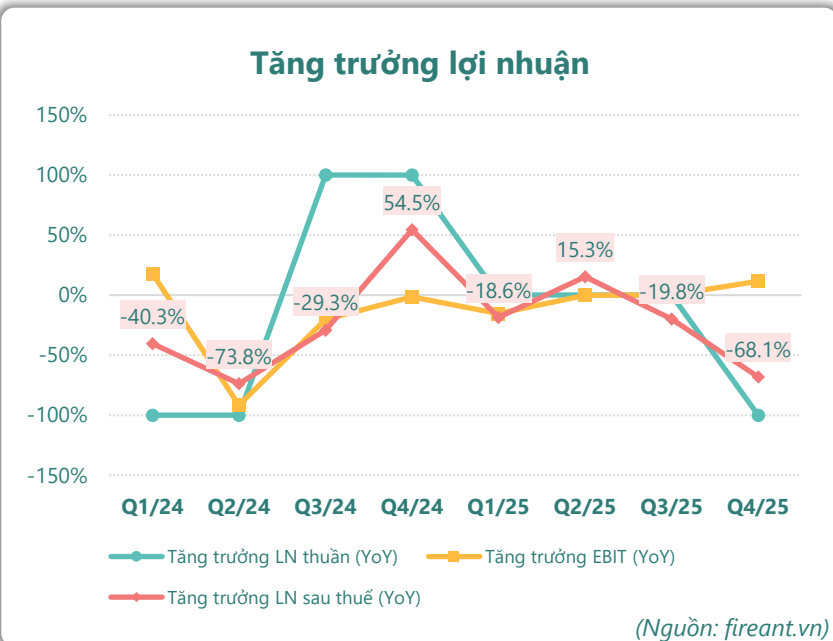
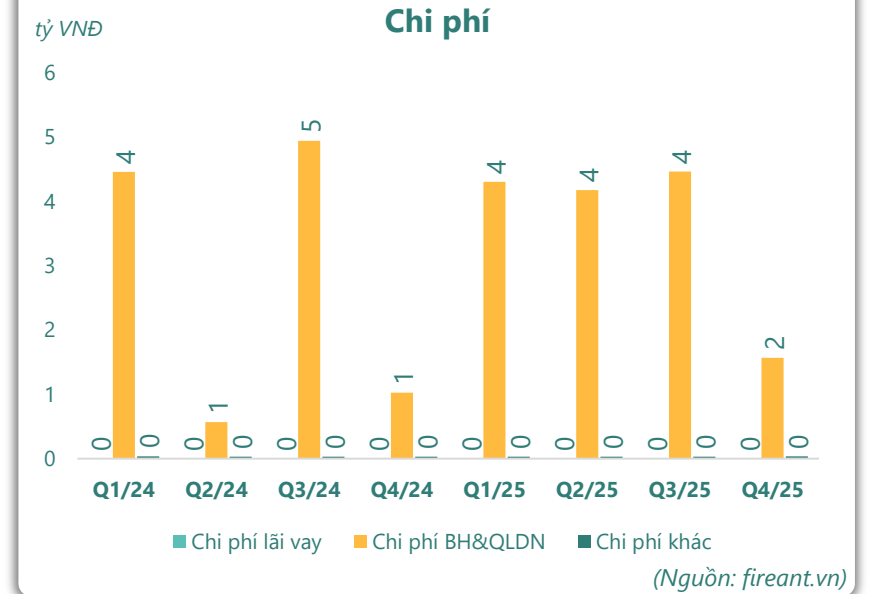
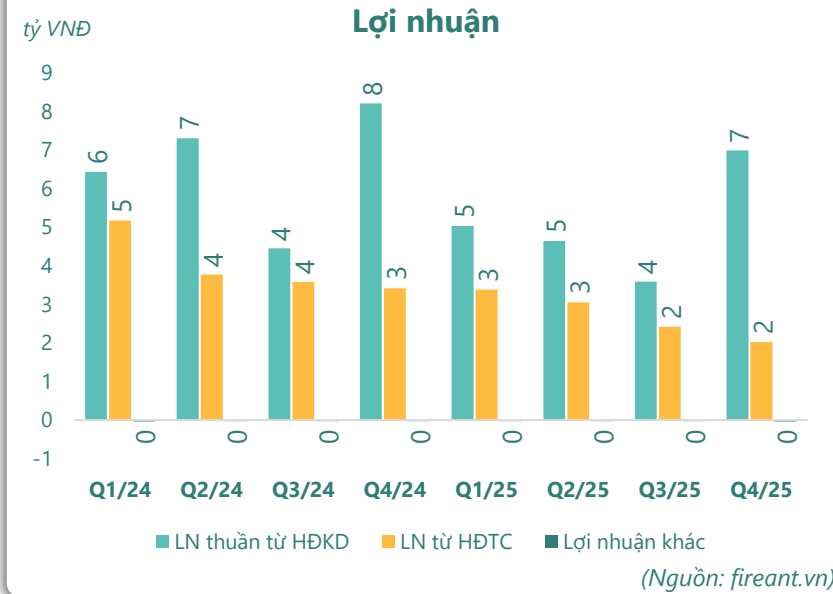
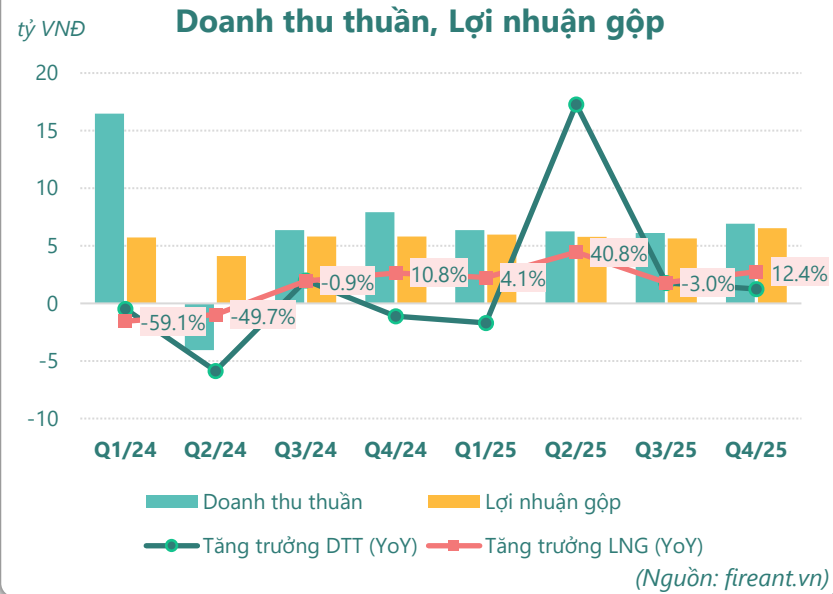
DT thuần 2025
25.7
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 0.80 3.0%

LN thuần 2025
20.3
tỷ VNĐ
YoY: ▼6.50 -24.3%

LN sau thuế 2025
15.5
tỷ VNĐ
YoY: ▼4.20 -21.4%



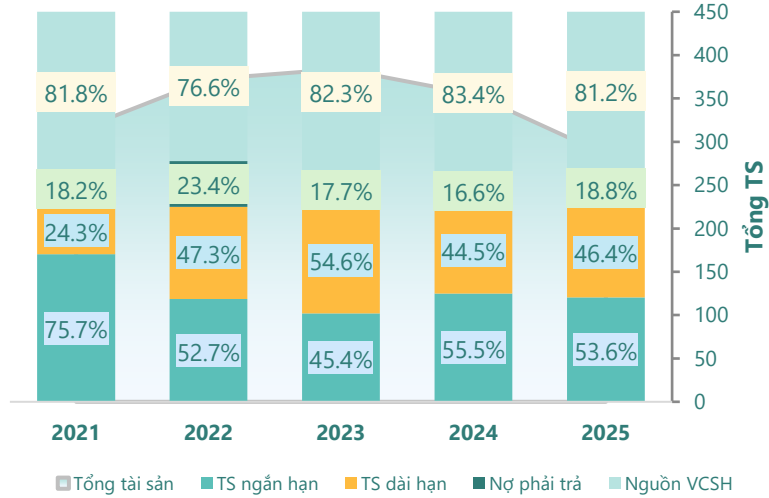
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

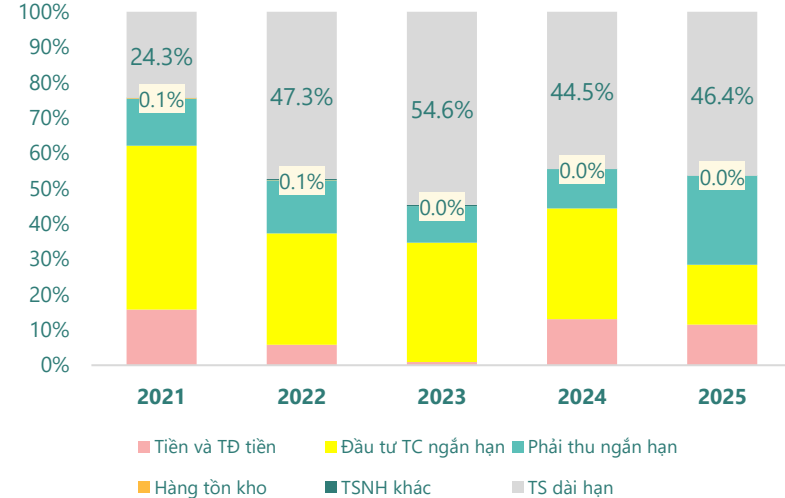
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

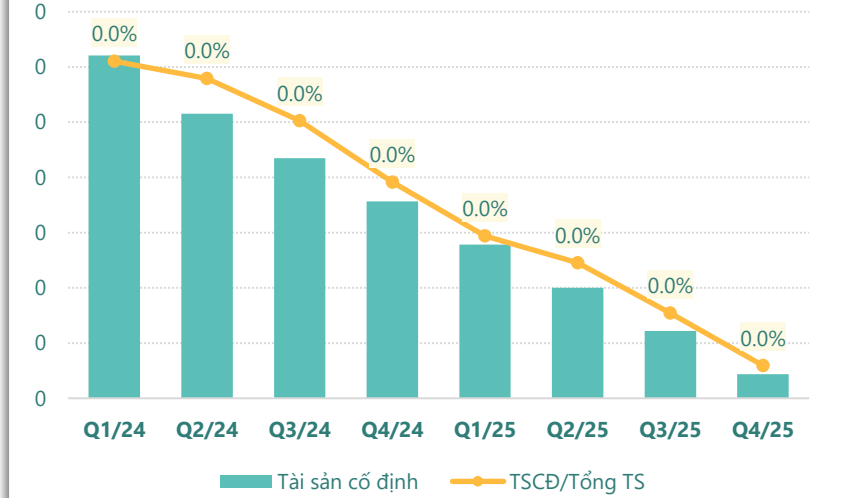
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

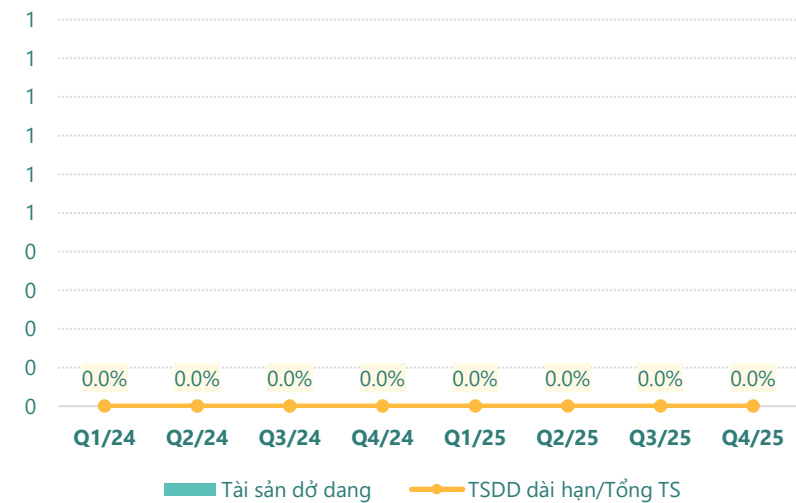
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

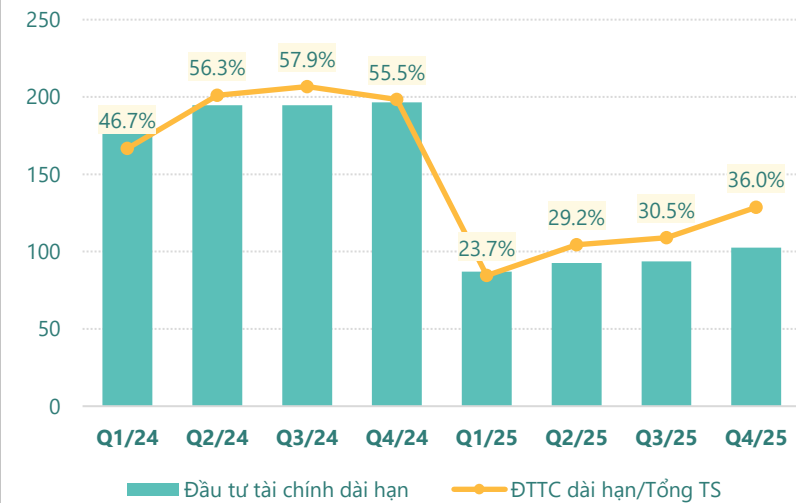
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

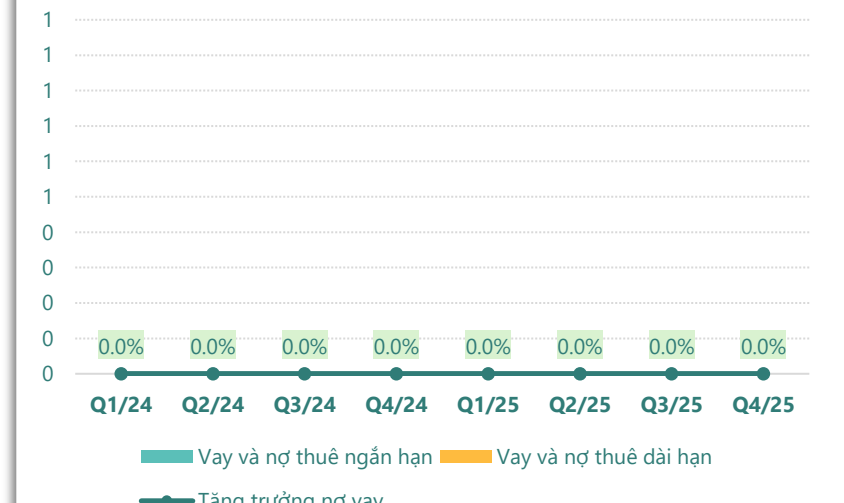
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

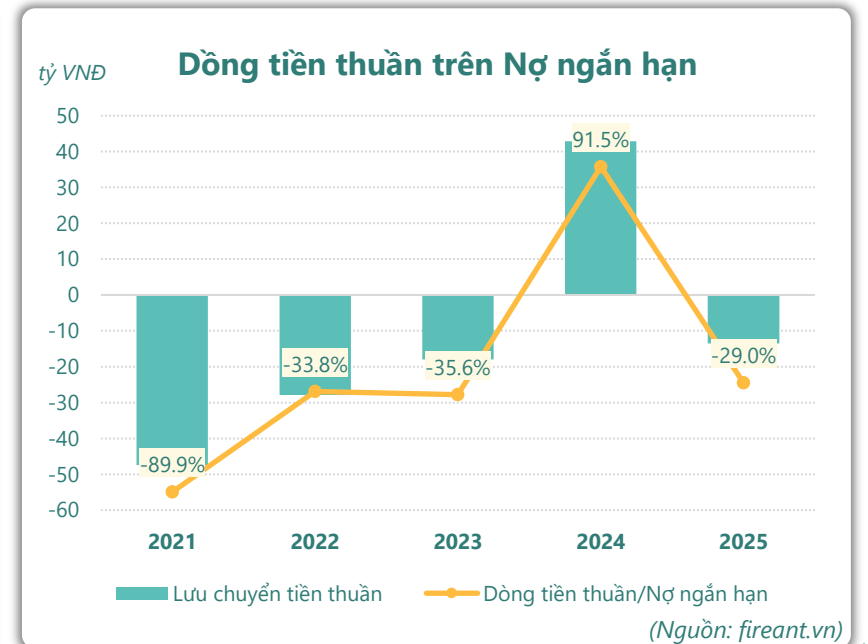
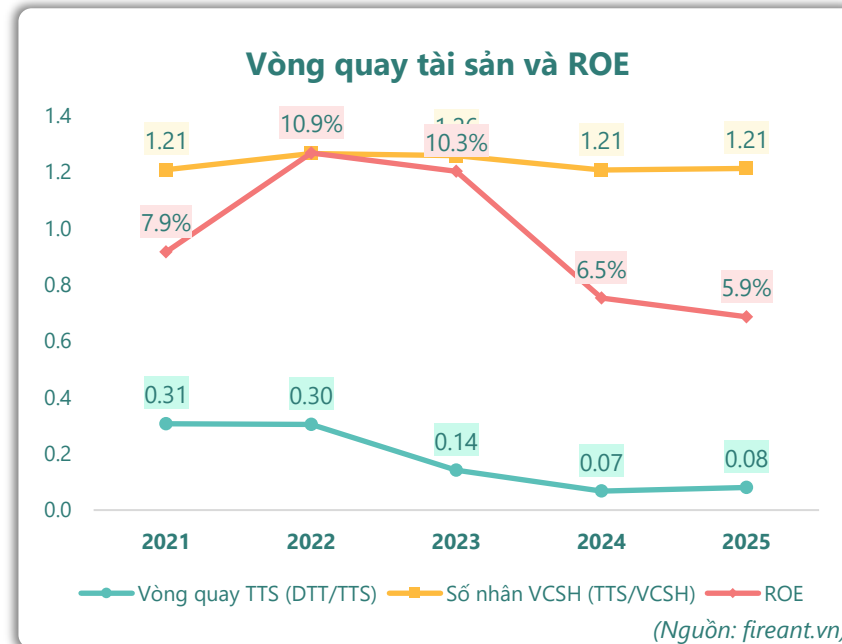
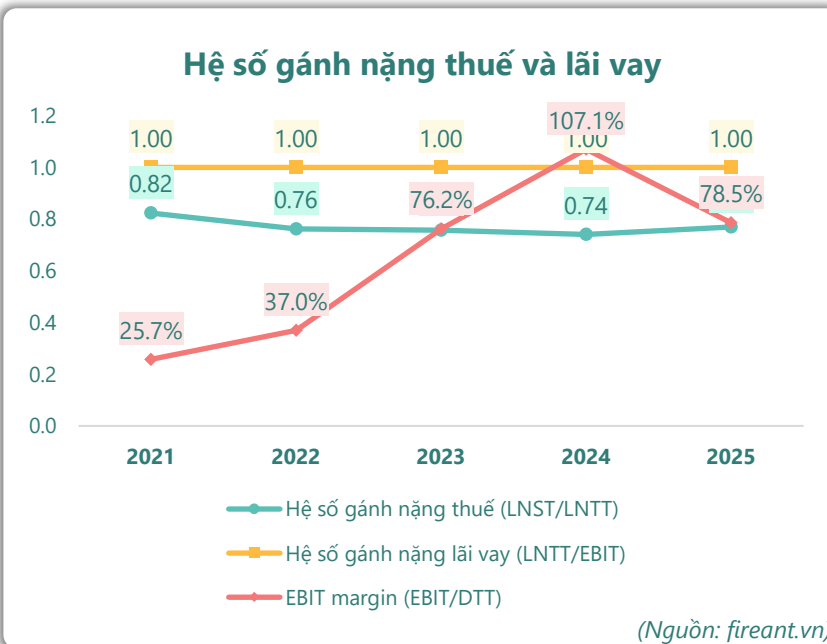
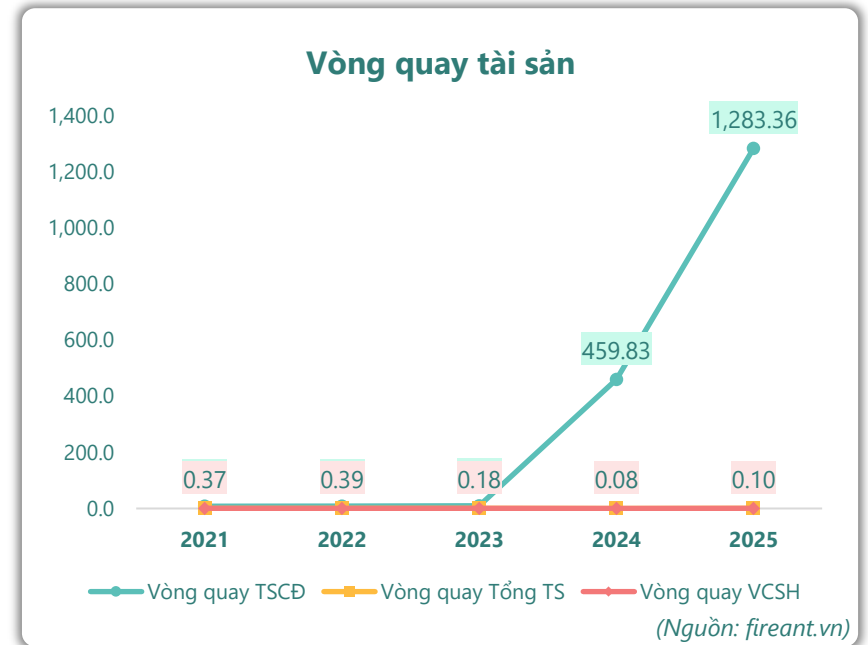
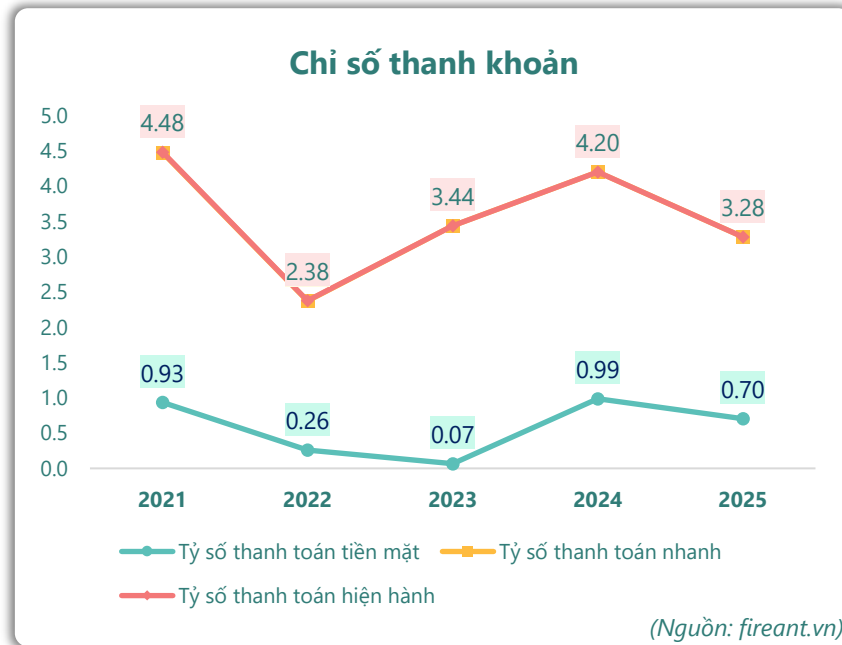
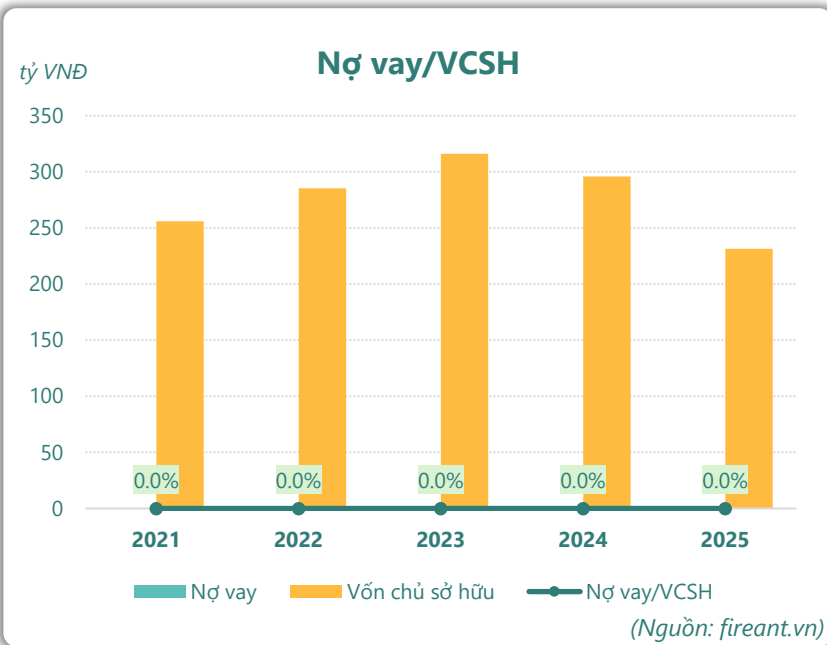
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	6.92	7.91	-12.5%	25.7	24.9	3.0%
Giá vốn hàng bán	0.38	2.10	-81.8%	1.74	3.43	-49.4%
Lợi nhuận gộp	6.54	5.82	12.3%	23.9	21.5	11.4%
Doanh thu HĐTC	2.10	3.51	-40.3%	11.2	16.3	-31.2%
Chi phí TC	0.07	0.09	-16.9%	0.31	0.31	0.5%
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	-0.03	-0.04	28.2%	0.01	0.08	-85.9%
Chi phí QLDN	1.60	1.07	49.2%	14.5	10.6	37.4%
LN thuần từ HĐKD	6.99	8.21	-14.9%	20.3	26.8	-24.3%
Lợi nhuận khác	-0.03	-0.03	-12.1%	-0.12	-0.13	1.5%
LN trước thuế	6.96	8.18	-15.0%	20.1	26.7	-24.4%
Lợi nhuận sau thuế	6.01	4.63	29.8%	15.5	19.7	-21.4%
LNST của CĐ cty mẹ	6.01	4.63	29.8%	15.5	19.7	-21.4%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-33.8	2.24	-0.36	3.48	1.07	-34.9
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	30.7	-0.76	-0.63	1.00	102	-5.08
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	0	-40.0	-40.0	0
Tiền đầu kỳ	5.94	2.80	46.3	45.3	9.76	72.7
Lưu chuyển tiền thuần	-3.14	1.48	-0.99	-35.5	63.0	-39.9
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	2.80	4.27	45.3	9.76	72.7	32.8

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	285	355	-19.7%
Tài sản ngắn hạn	153	197	-22.5%
Tiền và tương đương tiền	32.8	46.3	-29.2%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	48.1	111	-56.7%
Phải thu ngắn hạn	71.7	39.3	82.7%
Hàng tồn kho	0	0	
Tài sản ngắn hạn khác	0.08	0.21	-62.8%
Tài sản dài hạn	132	158	-16.2%
Phải thu dài hạn	0.33	0.42	-20.7%
Tài sản cố định	0.00	0.04	-87.8%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	103	122	-15.8%
Tài sản dài hạn khác	2.69	2.01	33.6%
Lợi thế thương mại	26.6	33.5	-20.5%
Nợ phải trả	53.5	58.9	-9.1%
Nợ ngắn hạn	46.6	46.9	-0.7%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	29.6	30.5	-3.0%
Nợ dài hạn	6.97	12.0	-42.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	231	296	-21.8%
Vốn chủ sở hữu	231	296	-21.8%
Vốn điều lệ	200	200	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

